

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T -TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn , nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HN, ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1982; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1984; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Con chung: 1. Nguyễn Quốc K, sinh ngày 17/02/2002; (Vắng mặt);

2. Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 22/11/2008; (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2019 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện T nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2001 chị H có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Quốc B, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống chung với nhau hòa thuận, hạnh phúc nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã anh B thường xuyên uống rượu gây sự, ngược đãi vợ và đuổi chị H ra khỏi nhà nhiều lần, vì vậy chị H và con gái phải về quê ngoại ở tạm, chị có khuyên anh B nhiều lần nhưng anh B không thay đổi tính nết này và ngày càng quá đáng hơn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị H khai có hai con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 17/02/2002 và Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 22/11/2008, hiện nay con chung đang sống chung với chị nên chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/02/2020 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 11/02/2020 gửi đến Tòa án bị đơn anh Nguyễn Quốc B trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị Lê Thị H về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay theo yêu cầu của chị Lê Thị H thì anh đồng ý ly hôn, vì anh nhận thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Anh B khai có 02 người tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 17/2/2002 và Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 22/11/2008 hiện nay hai con chung đang sống chung với chị H nên anh cũng đồng ý giao hai con cho chị H tiếp tục nuôi và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B khai không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Đồng thời do anh Nguyễn Quốc B đề nghị xét xử vắng mặt trong vụ án này, do anh B bận công việc không thể đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- *Con chung Nguyễn Quốc K sinh ngày 17/2/2002 và Nguyễn Thị Trúc Mi, sinh ngày 22/11/2008 có ý kiến trình bày tại hồ sơ vụ án:* Cha chúng cháu tên

Nguyễn Quốc B và mẹ chúng cháu tên Lê Thị H, nay cha mẹ chúng cháu ly hôn chúng cháu có nguyện vọng theo mẹ và sống với mẹ chúng cháu là Lê Thị H.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thủ tục tố tụng; Đối với đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết 326/20126/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quốc B đây là vụ kiện “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Nguyễn Quốc B có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Nguyễn Quốc B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Quốc B xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn đúng theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống anh chị cũng thể hiện là một gia đình hạnh phúc, tuy nhiên lúc cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và chị H, anh B đều thừa nhận hiện nay hai bên không còn tình cảm với nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 09 năm 2019 cho đến nay. Tại hồ sơ vụ án chị H, anh B đều thống nhất

thuận tình ly nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia hòa giải nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H với anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cũng thống nhất tự nguyện ly hôn, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Quốc B.

[4]. *Về con chung*: Chính anh B cũng thừa nhận chị H đã trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 17/2/2002 và Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 22/11/2008 từ lúc anh chị ly thân đến nay và anh B cũng chấp nhận để chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến đủ 18 tuổi cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu M đã trên 07 tuổi muốn sống chung với H. Tuy nhiên đến thời điểm xét xử cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 17/2/2002 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ giao cháu Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 22/11/2008 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Tòa án có giải thích về việc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Do chị Lê Thị H và anh Nguyễn Quốc B đều thống nhất khai không có tài sản chung, nợ chung và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các lẽ trên, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Lê Thị H phải chịu áp phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H với anh Nguyễn Quốc B.

2. Về con chung: Do con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 17/2/2002 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao con chung tên Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 22/11/2008 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Muội muốn sống chung với chị H. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Lê Thị H và anh Nguyễn Quốc B đều thống nhất khai không có tài sản chung, nợ chung và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007558 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú của các đương sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Ngoan

